TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/ HNGĐ-ST
Ngày 16 - 01 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng.

-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Phương Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 559/2022/ TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tiền N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 130A/11, ấp P, xã A, huyện H, tỉnh L.

Địa chỉ tạm trú: ấp M 2, xã N, huyện H, tỉnh A.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 130A/11, ấp P, xã A, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình tham gia

tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Tiền N trình bày:

Vào năm 2010 qua quen biết chị và anh T tiến đến hôn nhân vào năm 2010, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh L.

Sau khi cưới về, sống chung chị phát hiện anh T là người thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, thời gian đầu chị nhịn và tiếp tục chung sống với anh. Đến khoảng năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, mỗi lần nhậu sỉn là anh chửi thề bậy bạ, lúc chị bị bệnh nặng anh cũng không quan tâm mà chỉ biết ăn chơi, nhậu nhẹt bên ngoài. Từ tháng 2/2022 chị và anh T sống ly thân, chị và anh T không còn liên lạc với nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Thị Bảo A, sinh ngày 04/10/2011. Hiện đang chung sống cùng anh T. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

-*Ý kiến của cháu Lê Thị Bảo A*: Cháu là con của anh Lê Văn T và chị Phạm Thị Tiền N. Hiện tại cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với cha là anh Lê Văn T.

-*Ý kiến của chị Nương tại phiên tòa*: Chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T, chị đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng, Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tiến đến hôn nhân được Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị N trình bày trong thời gian chung sống giữa anh chị có những bất đồng không giải quyết được. Do không thể chung sống với nhau được nữa nên chị và anh đã sống ly thân, tình cảm không còn, do hai người không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt

được. Tại phiên tòa chị N không có nguyện vọng đoàn tụ với anh T. Anh T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị N, nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa anh T vắng mặt và không có ý kiến gì, xem như anh T chấp nhận yêu cầu của chị N. Do đó việc chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Cháu Lê Thị Bảo A hiện do anh T nuôi dưỡng. Theo yêu cầu của chị N và theo nguyện vọng của cháu Bảo A nên giao cháu Bảo A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng để tránh sự xáo trộn về môi trường sống, sinh hoạt hàng ngày, điều kiện học tập, ảnh hưởng đến tâm lý của cháu.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Tiền N được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Bảo A, sinh ngày 04/10/2011 cho anh Lệ Văn T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Tiền N có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0004384 ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-UBND xã A, H, L;
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án. /.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐ-SCBSBA	*Long Hồ, ngày 06 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ vào Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do sai sót trong khâu đánh máy, trong bản án số 11/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và Gia đình về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tiền N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 130A/11, ấp P, xã A, huyện H, tỉnh L.

Địa chỉ tạm trú: ấp M 2, xã N, huyện H, tỉnh A.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 130A/11, ấp P, xã A, huyện H, tỉnh L.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ như sau:

Tại dòng thứ 24 trang 01; Tại dòng thứ 02 trang 02; Tại dòng thứ 21 trang 02; Tại dòng thứ 25 trang 03; Tại dòng thứ 28 trang 03 từ trên xuống đã ghi *"...Phạm Thị Tiền N..."*

Nay được sửa chữa, bổ sung các dòng nêu trên như sau: "…*Phạm Nhị Tiền N..."*

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-UBND xã A, H, L;
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án. /.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng